TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 173/2019/QĐST-HNGĐ	*Hòa Bình, ngày 22 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Dung – Thẩm phán sơ cấp, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Các hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga và ông Phạm Quốc Trung

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc: Ly hôn.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976
- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969

Cùng địa chỉ: SN 30, ngõ 47, đường T, tổ 04 (tổ 05 cũ), phường Đ, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969

Cùng địa chỉ: SN 30, ngõ 47, đường T, tổ 04 (tổ 05 cũ), phường Đ, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn;

- *Về con chung, nuôi con, cấp dưỡng:* chị L và anh T có hai con chung, con trai là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 08/01/1998, hiện đã thành niên và con gái là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 01/12/2008.

Chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Thảo L; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, hai bên cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom con chung; hai bên không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung:* hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung:* Không nợ cá nhân tổ chức tín dụng nào.

- *Về án phí:* chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp 300.000Đ án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000Đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001902 ngày 19/4/2019, được đối trừ

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hòa Bình;
- Chi cục THADS TP Hòa Bình;
- UBND thực hiện đăng ký kết hôn UBND phường Chăm Mát, TP Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Bùi Thị Dung